

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

Bản án số: 79/2021/HNGĐ-ST

Ngày 28/12/2021

V/v hôn nhân gia đình

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Thúy và bà Phạm Hồng Thiêm.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Nhật Khánh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa: Ông
Đỗ Xuân Long - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 205/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2021 về việc “Tranh chấp hôn nhân gia đình”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2021/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2021:

Nguyên đơn: Chị Tạ Thị Diệu L, sinh năm 19xx;

Nơi ĐKKHKT: , huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: Thôn D, xã H, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

Bị đơn: Anh Lê Ngọc T, sinh năm 19xx

Nơi cư trú: , huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

(Chị L có mặt, anh T vắng mặt lần thứ 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng tài liệu chứng cứ đã xuất trình và tại phiên Tòa nguyên đơn chị Tạ Thị Diệu L trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Ngọc T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 21/9/2016 tại UBND xã Thụy Lương (nay là thị trấn D), huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống tại gia đình anh T ở thị trấn D, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, do anh T không tu chí làm ăn, chơi bời không quan tâm đến vợ con, không chịu đi làm lo cho vợ con. Chị đã nhiều lần khuyên nhủ và cho anh T cơ hội nhưng anh vẫn chứng nào tật ấy; bên cạnh đó, giữa chị và mẹ chồng cũng thường xuyên mâu thuẫn trong cuộc sống khiến vợ

chồng thường xuyên cãi nhau, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Năm 2018, chị đã nộp đơn ly hôn tại Tòa án, sau đó anh T hứa sẽ thay đổi nên chị đã rút đơn. Tuy nhiên, khi về chung sống vợ chồng vẫn tiếp tục mâu thuẫn. Từ tháng 6/2021, chị đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, từ đó vợ chồng sống ly thân. Trong thời gian chị ở nhà bố mẹ đẻ thì anh T thường xuyên đến nhà gây sự, chửi bới, anh T còn nhắn tin đe dọa sẽ giết cả nhà chị nếu như chị bỏ anh T khiến chị luôn sống trong lo sợ. Ngoài ra, anh T còn tìm đến tận công ty nơi chị làm việc đe dọa chị. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị không thể tiếp tục chung sống với anh T được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Lê Ngọc Minh N, sinh ngày 23/3/2017 và Lê Ngọc K, sinh ngày 22/8/2020. Sau khi sống ly thân thì cháu Minh N ở cùng anh T, cháu K ở cùng chị. Khoảng gần một tháng anh T đưa cháu K về ở cùng anh T. Tại đơn khởi kiện, chị nhận trực tiếp nuôi cả hai con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cả hai con 3.000.000đ/tháng. Tuy nhiên do anh T cũng có nguyện vọng nuôi con chung nên chị đã thay đổi nội dung khởi kiện. Chị có nguyện vọng nuôi cháu Lê Ngọc K và giao cháu Lê Ngọc Minh N cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng chị không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Anh Lê Ngọc T vắng mặt tại phiên Tòa, tại bản tự khai ngày 12/10/2021 anh T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh xác nhận việc đăng ký kết hôn như chị L trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chung sống tại nhà bố mẹ đẻ anh tại thị trấn D. Trong quá trình chung sống vợ chồng không phát sinh mâu thuẫn gì lớn, chỉ có việc chị L cho rằng anh không quan tâm đến chị L. Đến tháng 8 chị L về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Từ đó đến nay, vợ chồng anh sống ly thân. Anh đã nhiều lần thuyết phục chị L về chung sống nhưng chị L nghe lời bố mẹ đẻ không về chung sống cùng anh. Nay chị L xin ly hôn anh, quan điểm của anh là muốn vợ chồng đoàn tụ, anh không đồng ý ly hôn vì vẫn còn tình cảm với chị L và các con còn nhỏ.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng anh có hai con chung như chị L đã trình bày. Nếu phải ly hôn anh có nguyện vọng nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản xác minh ngày 15/11/2021, đại diện UBND thị trấn D cung cấp: Chị L và anh T tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Thụy Lương (nay là thị trấn D), huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình ngày 21/9/2016. Sau khi kết hôn, vợ

chồng chung sống tại gia đình nhà anh T. Trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn gì hay không thì địa phương không nắm được tuy nhiên chị L đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ tháng 6/2021 đến nay còn anh T vẫn sống tại tổ dân phố Hồ Đội 3. Về con chung: Theo sổ theo dõi khai sinh tại địa phương thì chị L và anh T có 02 con chung là Lê Ngọc Minh N, sinh ngày 23/3/2017 và Lê Ngọc K, sinh ngày 22/8/2020. Hiện nay, con Lê Ngọc Minh N đang sống cùng anh T và ông bà nội, cháu vẫn phát triển khỏe mạnh, bình thường như các bạn cùng lứa tuổi. Anh T hiện đang làm lao động tự do và đang ở cùng bố mẹ đẻ nên được bố mẹ hỗ trợ trong việc chăm sóc, nuôi dạy con. Còn cháu Lê Ngọc K ở cùng chị L nhưng vẫn thường được anh T đón về chơi. Về tài sản chung và nợ chung giữa chị L và anh T địa phương không nắm được.

Tại biên bản xác minh ngày 15/11/2021, đại diện Công an xã H, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình cung cấp: Chị Tạ Thị Diệu L là con gái của ông Tạ Duy H, sinh năm 19xx và bà Vũ Thị L1, sinh năm 19xx; Điều cư trú tại: Thôn D, xã H, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn với anh T, chị L chuyển về sinh sống tại gia đình anh T. Đến khoảng tháng 6/2021, chị L trình bày do mâu thuẫn vợ chồng nên đã chuyển về nhà ông Hải sinh sống. Ngày 10/9/2021, anh T có đến tìm chị L sau đó xảy ra mâu thuẫn với ông Hải, anh T đã có những lời lẽ chửi bới, xúc phạm và đe dọa ông Hải, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Ban công an xã đã yêu cầu anh T viết bản cam kết không được để hành vi như trên tiếp tục xảy ra.

Tại đơn trình bày có xác nhận của UBND xã H ngày 20/12/2021 của ông Tạ Duy H và bà Vũ Thị L1 xác định: Ông bà là bố mẹ đẻ của chị Tạ Thị Diệu L. Nay chị L xin ly hôn anh T ông bà đề nghị Tòa án sớm giải quyết vụ án ly hôn của chị L và cam kết sẽ để chị L và con chị L sống cùng nhà đồng thời ông bà sẽ cùng chị L chăm sóc con của chị L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều T thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không có mặt theo triệu tập của Tòa án là chưa thực hiện đúng nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của pháp luật: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 238, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án: xử cho chị Tạ Thị

Điều L được ly hôn anh Lê Ngọc T; Về quan hệ con chung giao cho chị L nuôi cháu Lê Ngọc K và giao cháu Lê Ngọc Minh N cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và các bên được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Lê Ngọc T đang cư trú tại thị trấn D, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy. Anh T được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Tạ Thị Diệu L và anh Lê Ngọc T kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thụy Lương (nay là thị trấn D), huyện Thái Thụy vào ngày 29/9/2016. Tại thời điểm kết hôn, hai bên đủ điều kiện kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp và do chị L cho rằng anh T không quan tâm đến chị. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2021 đến nay. Anh T mong muốn vợ chồng về đoàn tụ nhưng sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh T đến Tòa án để hòa giải và tham gia phiên Tòa anh T đều không đến. Chứng tỏ anh T không thiết tha gì việc đoàn tụ với chị L. Tại phiên tòa, chị L vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn. Từ những căn cứ trên, HĐXX thấy rằng tình trạng hôn nhân của chị L và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị L được ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Anh T và chị L có 02 con chung là Lê Ngọc Minh N, sinh ngày 23/3/2017 và Lê Ngọc K, sinh ngày 22/8/2020. Chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu K, giao cháu N cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả con chung. Xét thấy, hiện nay cháu K dưới 36 tháng tuổi cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ. Vì vậy cần giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng nuôi cháu K và giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu N là phù hợp với quy định của Luật hôn nhân gia đình. Việc cấp dưỡng nuôi con chung các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T, chị L không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị L phải chịu án phí tranh chấp hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Chị L và anh T có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tại Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Tạ Thị Diệu L ly hôn anh Lê Ngọc T.

2. *Về con chung*: Giao cho anh Lê Ngọc T trực tiếp nuôi con Lê Ngọc Minh N, sinh ngày 23/3/2017, giao cho chị Tạ Thị Diệu L trực tiếp nuôi con Lê Ngọc K, sinh ngày 22/8/2020. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết.

Chị Tạ Thị Diệu L và anh Lê Ngọc T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung và quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, mức cấp dưỡng nuôi con chung khi cần thiết.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Khi nào các đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

4. *Về án phí*: Chị Tạ Thị Diệu L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị L đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003987 ngày 04/10/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thái Thụy sang thi hành án phí.

5. *Về quyền kháng cáo*: Chị Tạ Thị Diệu L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lê Ngọc T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND huyện Thái Thụy.
- Chi cục THADS huyện Thái Thụy;
- UBND thị trấn D.
- TAND tỉnh Thái Bình.
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Văn Vương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

